

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:117/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà – Bà Phạm Thị Thành.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2019/ QĐ-HPT ngày 05/11 /2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh ngày 27/7/1984.
Trú tại: xóm 5, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh ngày 12/01/1982.
Trú tại: xóm 5, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đức H cưới nhau vào tháng 11/2005, trước khi đến với nhau anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới chị X, anh H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy

chứng nhận ngày 14/11/2005. Theo chị X sau khi kết hôn đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là chồng thường cờ bạc về nhà thường kiếm cớ để gây chuyện với vợ, gây áp lực đối với vợ. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, xử sự không đúng mực đối với nhau, chị X góp ý, động viên anh H từ bỏ thói hư tật xấu thì bị anh H chửi bới, đánh đập cho rằng vợ dạy khôn chồng, anh H không sửa chữa mà vẫn chứng nào tật đó. Do mâu thuẫn ngày càng sâu sắc không thể sống chung được với nhau, nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016, tháng 12/2018 chị X đã gặp anh H để hòa giải níu kéo hôn nhân, nhưng anh H không đồng ý, xua đuổi chị X không chấp nhận đoàn tụ. Sau khi hòa giải lần cuối không thành chị X xác định hôn nhân giữa chị và anh H đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, chị X đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Nguyễn Thị Minh T (Giới tính: nữ) sinh ngày 29/9/2006 và cháu Nguyễn Đức K (Giới tính: nam), sinh ngày 01/8/2011. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung sinh sống với anh H và bên nội, nhưng anh H không có trách nhiệm gì đối với con chung, chị X đã cung cấp tiền bạc cùng ông bà nội để nuôi hai con chung. Từ tháng 8/2019 đến hai con chung đã về bên ngoại được chị X và bên ngoại trực tiếp trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do hai con chung có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên chị X đề nghị giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, yêu cầu anh H có nghĩa vụ nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị X không yêu cầu tòa giải quyết

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức H không hợp tác, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Trần Thị X cung cấp, cũng như xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương, trình bày của chị X nêu trong đơn khởi kiện, trình bày bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị Trần Thị X đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đức H yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh H không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Trần Thị X có mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức H tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về nội dung:

+/- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đức H đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị X và anh H là hoàn tự nguyện, trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/11/2005, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Đức H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị X, anh H đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là sau khi sống chung vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, anh H không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững, thường xuyên uống rượu, cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế và cuộc sống gia đình, chị X đã động viên chồng cố gắng sửa đổi nhưng anh H không nghe con cho rằng vợ lên lớp dạy chồng, nên vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không đúng mực đối với nhau, thậm chí anh H còn đánh đập chị X khi mâu thuẫn xảy ra. Do mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng sâu sắc dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, đến tháng 12/2018 chị X đã gặp anh H để hòa giải mục đích là gắn kết hôn nhân nhưng anh H không chấp nhận. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị X, anh H đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Trần Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức H là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị X.

+/- Về quan hệ con chung: Để có căn cứ về việc giao nuôi con, Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện sống, sinh hoạt con chưa thành niên của vợ chồng tại địa phương trong quá trình vợ chồng sống ly thân, kết quả xác minh thấy rằng hai con chung của vợ chồng bước đầu sinh sống với anh H, chị X rất có trách nhiệm đã gửi tiền hỗ trợ cùng anh H để anh H nuôi dạy con tốt hơn, nhưng anh H vẫn nuôi dạy con không tốt, vắng mặt tại gia đình thường xuyên các cháu sinh sống nhờ vào sự

cưu mang của ông bà nội, điều này cho thấy anh H không chu đáo trong việc nuôi con chung, không đảm bảo quyền lợi của con chung. Từ tháng 8/2019 đến nay các cháu đã về bên ngoại và hiện nay đang được được chị X và bên ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị X và bên ngoại đã nuôi dạy con của vợ chồng rất tốt, các cháu phát triển về mọi mặt, đảm bảo quyền lợi của con chung, hơn nữa hai con chung có đơn trình bày có nguyện vọng sinh sống với mẹ. Từ sự phân tích đánh giá nêu trên cho thấy chị X là người có trách nhiệm đối với con chung hơn anh H, có điều kiện để trực tiếp nuôi con tốt hơn anh H, nay chị X yêu cầu giao hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị X.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn thuộc trách nhiệm nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, chị X là người trực tiếp nuôi hai con sẽ khó khăn trong vấn đề tài chính, nên chị yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là đúng. Tuy nhiên chị X yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là cao, bởi lẽ thu nhập của anh H làm nông nghiệp, công việc làm thêm cũng như thu nhập không ổn định, nên buộc anh H cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

+/Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

+/ Về án phí: Buộc chị Trần Thị X, anh Nguyễn Đức H phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82; 83;107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1.Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao 02 con chung cháu Nguyễn Thị Minh T(Giới tính: nữ) sinh ngày 29/9/2006 và cháu Nguyễn Đức K(Giới tính: nam), sinh ngày 01/8/2011 cho chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Buộc anh Nguyễn Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Trần Thị X mỗi tháng 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi cháu 750.000đ(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Đức H được tính từ tháng 11/2019 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Anh Nguyễn Đức H người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không được ai cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0000049 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí.

Buộc: Anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã L (Nơi ĐKKH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc